

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt

2. Ông Nguyễn Văn Triệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Dũng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố CT

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Hữu M, sinh năm 1970. Có mặt

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1980. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: 190/14 khu vực TT, phường TA, quận Ô, thành phố CT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Phạm Hữu M trình bày:

Nguyên vào năm 2000, ông có quen biết với cô Nguyễn Thị Kim N, sau thời gian tìm hiểu thì hai người tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng không có tổ chức lễ cưới nhưng đăng ký kết hôn tại Ủy Ban Nhân dân phường TA, quận Ô theo quy định của pháp luật .

Sau khi về chung sống với nhau, hai người có 01 người con chung tên Phạm Thị Ô S sinh năm 2001, nay đã trưởng thành, đến 2018 hai bên đã bắt đầu quan điểm và đã sống ly thân với nhau không còn liên lạc và chấm dứt quan hệ vợ chồng. Ông M cho rằng, do hôn nhân không đạt như mong muốn, mâu thuẫn quá lâu không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, và níu kéo không mang lại hạnh phúc cho nhau nên ông M yêu cầu Tòa Án xem xét và giải quyết:

Về hôn nhân: Xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim N

Về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung : ông M khai nhận không có.

- Bà Nguyễn Thị Kim N: vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Phạm Hữu M và Bà Nguyễn Thị Kim N chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định chung của pháp luật. Nay, ông M một bên có yêu cầu giải quyết ly hôn, nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

[2] Về tố tụng: Bà N vắng mặt tại phiên tòa lần hai không lý do mặc dù tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà N theo luật định. Do vậy, Tòa án áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: ông M và bà N chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định chung của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bà N đã được triệu tập nhiều lần đến để hòa giải, động viên hai người đoàn tụ lại với nhau nhằm để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà N vẫn vắng mặt không lý do. Từ đó cho thấy, bà N không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ vợ chồng lại với nhau, níu kéo lại mối quan hệ hôn nhân giữa hai người; mặt khác theo lời ông M cho rằng hai người đã ly thân từ năm 2018 đến nay không liên lạc gì với nhau, điều đó cho thấy lý do xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Đã trưởng thành, nguyên đơn không có yêu cầu xem xét nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và về nợ chung: ông M khai nhận không có nên chưa xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông M tự nguyện chịu
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; 227; 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 14 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hữu M

Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Hữu M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim N.

Về con chung: Phạm Thị Ô S sinh năm 2001, nay đã trưởng thành.

Về tài sản chung và về nợ chung: ông M khai nhận không có nên chưa xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). ông Phạm Hữu M tự nguyện chịu. Chuyển tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003571 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, thành phố CT thành tiền án phí (công nhận ông M đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố CT giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Ô,
- Chi cục THA Q. Ô,
- Đương sự,
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Văn Mẫn